

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2023/DS-ST

Ngày: 12 - 9 - 2023

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và
gia đình”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Văn Chính**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Vũ Công Đạt**

2. Ông **Y Mung Niê**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Vũ Đức Anh** - Thư ký Tòa án Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông **Y Đum Kpă** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXX-ST ngày 25 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Q**, sinh năm 1985

Địa chỉ: **Buôn Ea K**, xã **E**, huyện **K**, tỉnh **Đ**. Có mặt

- Bị đơn: Anh **Trần Đình H**, sinh năm 1979

Địa chỉ: **Buôn Ea K**, xã **E**, huyện **K**, tỉnh **Đ**. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày đề ngày 12/6/2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh Trần Đình H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh B vào ngày 14/3/2008. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau. Tuy nhiên, do vợ chồng mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, anh H thường xuyên nhậu nhẹt và vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Hiện vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ hơn 3 tháng nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không đạt được nên nguyện vọng của chị Q là được ly hôn với anh Trần Đình H;

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung gồm: Trần Đình H, sinh ngày 13/3/2008 (đã chết) và Trần Thị Bảo H, sinh ngày 01/9/2012. Hiện nay, cháu H đang sống chung với chị Q và được học hành ổn định tại thành phố B nên nguyện vọng của chị Q là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Trần Thị Bảo H đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con chung thì chị Nguyễn Thị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Trần Đình H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Đình H và chị Nguyễn Thị Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh B vào ngày 14/3/2008. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau. Tuy nhiên, vợ chồng mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, cũng có cãi nhau nhưng không thường xuyên và chưa đến mức trầm trọng, anh H vẫn còn tình cảm với chị Q, mong muốn chị Q suy nghĩ lại để đoàn tụ gia đình cùng nuôi dạy con cái, trường hợp ly hôn thì đề nghị chị Q uỷ quyền tài sản lại cho anh H để anh H trả nợ. Anh H và chị Q đã sống ly thân với nhau được hơn 3 tháng nay.

Về con chung: Anh H và chị Q có 02 con chung gồm: Trần Đình H, sinh ngày 13/3/2008 (đã chết) và Trần Thị Bảo H, sinh ngày 01/9/2012. Nguyện vọng của anh H là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Trần Thị Bảo H đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con chung thì anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Trần Đình H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng các bên vẫn không thỏa thuận được các vấn đề liên quan đến vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phát biểu: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu về nội dung vụ án: Căn

cứ vào các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn với anh Trần Đình H. Về con chung giao Trần Thị Bảo H, sinh ngày 01/9/2012 cho chị Nguyễn Thị Q được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi; về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung chị Q, anh H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; buộc chị Nguyễn Thị Q phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung nên Tòa xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hôn nhân và gia đình, quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn: Hội đồng xét xử thấy rằng:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Trần Đình H với lý do vợ chồng mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, anh H thường xuyên say xỉn rồi cãi nhau, vợ chồng không còn tình cảm, sống ly thân với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Trần Đình H cũng thừa nhận là có nhậu nhẹt nhưng việc đánh đập vợ con thường xuyên là không có. Tại biên bản xác minh của Tòa án tại chính quyền địa phương nơi chị Q, anh H sinh sống tình trạng hôn nhân giữa chị Q và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng có cãi vã và sống ly thân với nhau, chị Q đang đi làm thuê và nuôi con ăn học tại thành phố B. Mặc dù, đã được ban thôn buôn động viên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Như vậy, có căn cứ về việc anh Trần Đình H, chị Nguyễn Thị Q đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, vợ chồng không còn tình cảm, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Q, cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn với anh Trần Đình H là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Q và anh Trần Đình H có 02 con chung gồm: Trần Đình H, sinh ngày 13/3/2008 (đã chết) và Trần Thị Bảo H, sinh ngày 01/9/2012. Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị Q thấy rằng: Trần Bảo H hiện đang sinh sống với chị Nguyễn Thị Q và được chị Q nuôi ăn học tại thành phố B, do đó cần giao Trần Thị Bảo H, sinh ngày 01/9/2012 cho chị Nguyễn Thị Q được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi là bảo đảm cho cháu H không bị xáo trộn trong việc học tập, phù hợp với lợi ích cũng như

nguyện vọng của Trần Thị Bảo H, phù hợp với khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị Nguyễn Thị Q không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Nguyễn Thị Q, anh Trần Đình H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3]. *Án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ vào điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quyên

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn với anh Trần Đình H

2. Về con chung: Giao con chung Trần Thị Bảo H, sinh ngày 01/9/2012 cho chị Nguyễn Thị Q được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung chị Nguyễn Thị Q không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Q, anh Trần Đình H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

AA/2022/0000425 ngày 12/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện Krông Búk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Văn Chinh